

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-11-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con và tranh chấp chia tài sản
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lô.
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Cao Văn N, sinh năm: 1981; Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh L (Có mặt).
2. Bị đơn: Bà Trần Thị Bích T, sinh năm: 1976; Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh L (Có mặt).
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn Kh, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:*1. Nguyên đơn, ông Cao Văn N trình bày:*

Ông và bà Trần Thị Bích T cưới nhau năm 2000, sau đó có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng sống cùng gia đình bà T, đến năm 2017 vợ chồng ly thân vì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T ghen vô cớ, bà T và mẹ bà T thường xúc phạm ông và gia đình ông.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Cao Trần Hoài N, sinh năm 2001 và Cao Trần Gia H, sinh ngày 18/6/2008 hiện đang sống với bà T. Khi ly hôn, cháu H có nguyện vọng theo ai thì người ấy nuôi. Nếu bà T nuôi con, ông không cấp dưỡng. Nếu ông nuôi con, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Cháu N đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu bà T chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 có kích thước ngang khoảng 06m, dài khoảng 16m, được xây trên thửa đất của mẹ vợ tọa lạc tại xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, Long An, giá trị căn nhà là 100.000.000đ, ông yêu cầu chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$ là 50.000.000đ. Do bà T ở nhà này nên yêu cầu bà T trả cho ông 50.000.000đ.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn, bà Trần Thị Bích T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Cao Văn N về thời gian cưới, đăng ký kết hôn cũng như thời điểm vợ chồng ly thân.

Về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Cao Văn N ngoại tình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Nay ông Cao Văn N yêu cầu ly hôn, bà cũng đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có 02 con chung tên Cao Trần Hoài N, sinh năm 2001 và Cao Trần Gia H, sinh ngày 18/6/2008 hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu được nuôi cháu H và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Cháu N đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có tài sản chung gồm: 01 máy cày tay trị giá 20.000.000đ, 01 máy cày hiệu Kubota trị giá 25.000.000đ

và 01 máy cày hiệu Isuki trị giá 45.000.000đ, tổng cộng giá trị tài sản là 90.000.000đ, bà yêu cầu chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$. Do tài sản này ông N đang quản lý nên bà yêu cầu ông N trả số tiền là 45.000.000đ. Riêng căn nhà ông N yêu cầu chia, bà không ý vì ông N không có đóng góp gì đối với căn nhà này.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ ông Bùi Văn Kh 01 chỉ vàng 24kara, bà yêu cầu chia đôi mỗi người trả $\frac{1}{2}$.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Kh có đơn xin vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện đã trình bày:* Năm 2017 ông có cho vợ chồng ông Cao Văn N và bà Trần Thị Bích T vay 01 chỉ vàng 24kara nhưng không có làm hợp đồng hay biên nhận gì. Nay ông N và bà T ly hôn, ông yêu cầu ông N và bà T trả cho ông 01 chỉ vàng 24kara nêu trên.

Tại phiên tòa:

Ông Cao Văn N rút lại yêu cầu về việc chia tài sản là 01 phần giá trị căn nhà. Ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 500.000đ đến 1.000.000đ.

Bà Trần Thị Bích T rút lại yêu cầu chia tài sản là 04 chiếc máy cày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Cao Văn N yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn với bà Trần Thị Bích T. Do bà T đang cư trú tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Bùi Văn Kh, có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải đối với ông Kh cùng các đương sự khác. Do ông Kh có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Kh theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Cao Văn N và bà Trần Thị Bích T thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Vợ chồng có 02 con chung tên Cao Trần Hoài N sinh năm 2001 và Cao Trần Gia H, sinh ngày 18/6/2008 hiện đang sống với bà T.

[4.1] Cháu Cao Trần Hoài N đã trưởng thành và không bị hạn chế, mất năng lực hành vi dân sự, ông N và bà T không yêu cầu Tòa án xem xét về việc ai là người trực tiếp nuôi cháu N, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên không xem xét.

[4.2] Đối với cháu H, tại biên bản làm việc của Tòa án về việc xem xét nguyện vọng của cháu H, cháu H mong muốn được sống với bà T. Do đó Hội đồng xét xử đáp ứng nguyện vọng của cháu H, giao cháu H cho bà T trực tiếp nuôi. Bà T yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, ông N đồng ý cấp dưỡng nhưng không đồng ý với số tiền 2.000.000đ mỗi tháng, ông N chỉ đồng ý cấp dưỡng theo khả năng của mình từ 500.000đ đến 1.000.000đ mỗi tháng. Tại phiên tòa, ông N trình bày thu nhập khoảng 10.000.000đ tháng trong khi bà T làm công nhân thu nhập thấp hơn ông N. Do đó vì quyền lợi của cháu H, Hội đồng xét xử quyết định buộc ông N cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng 2.000.000đ.

[5] Tài sản chung: Tại phiên tòa, ông N và bà T thống nhất rút lại yêu cầu chia tài sản chung, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu về tài sản này. Nếu sau này có tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác về tranh chấp tài sản.

[6] Nghĩa vụ trả nợ: Ông Bùi Văn Kh yêu cầu ông Cao Văn N và bà Trần Thị Bích T trả 01 chỉ vàng 24kara. Bà T thừa nhận có vay của ông Kh 01 chỉ vàng 24kara, ngược lại ông N không thừa nhận có vay vàng của ông Kh. Ông Kh xác định khi cho vay không làm biên nhận, nay ông N không thừa nhận việc vay này do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ buộc ông N trả vàng cho ông Kh. Tại phiên tòa, bà T đồng ý tự nguyện trả vàng cho ông Kh nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[7.1] Ông Cao Văn N phải chịu án phí về việc ly hôn và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con. Bà Trần Thị Bích T phải chịu án phí trên số vàng trả cho ông Kh. Giá vàng 24 kara tại thời điểm xét xử là 5.140.000đ/chỉ, đây là căn cứ để Hội đồng xét xử tính án phí.

[7.2] Ông Bùi Văn Kh không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Ông Cao Văn N và bà Trần Thị Bích T không phải chịu án phí đối

với việc rút yêu cầu về chia tài sản, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông N và bà T, riêng ông Kh thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 244, 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Cao Văn N và bà Trần Thị Bích T.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Bích T được trực tiếp nuôi con tên Cao Trần Gia H, sinh ngày 18/6/2008. Ông Cao Văn N phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (05/11/2021) cho đến khi có các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của:

3.1. Ông Cao Văn N về việc yêu cầu bà Trần Thị Bích T chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 50.000.000đ.

3.2. Bà Trần Thị Bích T về việc yêu cầu ông Cao Văn N chia $\frac{1}{2}$ giá trị 04 chiếc máy cày là 45.000.000đ.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Kh về việc yêu cầu ông Cao Văn N và bà Trần Thị Bích T trả vàng. Buộc bà Trần Thị Bích T

trả cho ông Bùi Văn Kh 01 (Một) chỉ vàng 24kara bằng hiện vật hoặc bằng tiền tương đương tại thời điểm thi hành án. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Kh về việc yêu cầu ông Cao Văn N liên đới cùng bà Trần Thị Bích T trả vàng.

5. Về án phí:

Ông Cao Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 4452, ngày 05/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Bà Trần Thị Bích Tuyền phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc trả nợ cho ông Bùi Văn Kh.

Hoàn trả cho ông Cao Văn N 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) về việc rút yêu cầu chia tài sản theo biên lai số 7097, ngày 31/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Bích T 1.125.000đ (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) về việc rút yêu cầu chia tài sản theo biên lai số 7088, ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CC THA DS huyện Tân Trụ;
- UBND xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An;
- Các đương sự.
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Dũng

